



Kinh Hoa Nghiêm Đại Phương Quảng Phật tóm lược (Quyển 01)

ISSN: 2734-9195

14:30 09/01/2026

Bộ Luận Kinh Hoa Nghiêm Đại Phương Quảng Phật được giảng giải bởi Hòa thượng Tuyên Hóa, Việt dịch Tỳ Kheo Thích Minh Định, gồm có 25 quyển. Bài viết này là những ý chính, cô đọng nhất của quyển 01.

Phần 1. Tổng quan Bộ kinh Hoa Nghiêm Đại Phương Quảng Phật

Bộ kinh hoa nghiêm còn gọi là kinh pháp giới, cũng gọi là kinh hư không, bộ kinh này là bộ kinh vi diệu không thể nghĩ bàn. Tương truyền đây là kinh được đức Phật Thích ca Mâu ni thuyết dưới cội Bồ đề, khi Ngài thành chính giác. Bộ kinh Hoa Nghiêm này từ đầu đến cuối, đều nói đạo lý năm vòng nhân quả: Hội thứ nhất nói về: Tin nhân quả. Hội thứ hai tới hội thứ sáu nói về: Sai biệt nhân quả. Hội thứ bảy nói về: Bình đẳng nhân quả. Hội thứ tám thì nói về: Thành hạnh nhân quả. Hội thứ chín nói về: Chứng nhập nhân quả.

Hội thứ nhất tại khu vực Bồ Đề Đạo Tràng, vị trí hướng tây cách thành Vương Xá nước Ma Kiệt Đà khoảng 20 dặm, trong hội này thuyết về sáu phẩm (tức tạm hiểu là sáu phần), gồm có:

Một, phẩm Thế Chủ diệu nghiêm.

Hai, phẩm Như Lai hiện tướng.

Ba, phẩm Phổ Hiền Tam muội.

Bốn, phẩm Thế giới thành tựu.

Năm, phẩm Thế giới Hoa tạng.

Sáu, phẩm Tỳ Lô Giá Na.

Hội thứ hai thuyết tại Điện Phổ Quang Minh. Hội này ở phía Đông Nam cây Bồ Đề, khoảng ba dặm trong khúc eo sông Ni Liên Thiển. Hội này nói tiếp sáu phần

sau:

Bảy, phẩm Danh hiệu Như Lai

Tám, phẩm Bốn Thánh Đế

Chín, phẩm Quang Minh Giác

Mười, phẩm Bồ tát Văn Minh

Mười một, phẩm Tịnh hạnh

Mười hai, phẩm Hiền thủ

Hội thứ ba ở tại Điện Diệu Thắng trên cung trời Đao Lợi, còn được nhắc tới là đỉnh núi Tu Di. Sáu phẩm được nói tới trong Hội này là:

Mười ba, phẩm Thăng lên đỉnh Tu Di

Mười bốn, kệ tán thán Tu Di

Mười lăm, phẩm Thập trụ

Mười sáu, phẩm Phạm hạnh

Mười bảy, phẩm Công đức ban đầu phát tâm.

Mười tám, phẩm Minh Pháp

Hội thứ tư ở tại Điện Bảo trang nghiêm, cung trời Dạ Ma. Hội này ở tầng trời thứ ba của Dục giới. Hội này thuyết tới 4 phẩm:

Mười chín, phẩm Thăng lên trời Dạ Ma.

Hai mươi, kệ tán thán Dạ Ma.

Hai mươi mốt, phẩm Thập hạnh.

Hai mươi hai, phẩm Thập vô tận tạng

Hội thứ năm ở tại Điện Nhất thiết diệu bảo trang nghiêm, cung trời Đâu suất. Hội này được coi là ở tại tầng trời thứ tư của Dục giới. Trong hội này thuyết về 3 phẩm:

Hai mươi ba, phẩm Thăng lên trời Đâu Suất.

Hai mươi bốn, kệ tán thán Đâu Suất.

Hai mươi lăm, phẩm Thập hồi hướng.

Hội thứ sáu ở tại Điện Ma Ni Bảo tạng, cung trời Tha Hóa tự tại. Hội này là tầng trời thứ sáu của Dục giới, cũng là trời cao nhất của Dục giới. Hội này chỉ nói tới duy nhất một phẩm.

Hai mươi sáu, phẩm Thập Địa.

Hội thứ bảy ở tại Điện Phổ Quang Minh. Đức Phật trở về từ trên trời với nhân gian. Hội này thuyết tới mười một phẩm:

Hai mươi bảy, phẩm Thập định.

Hai mươi tám, phẩm Thập thông.

Hai mươi chín, phẩm Thập nhẫn.

Ba mươi, phẩm A Tăng Kỳ.

Ba mươi mốt, phẩm Thọ Lượng.

Ba mươi hai, phẩm Bồ tát Trụ Xứ.

Ba mươi ba, phẩm Thập thân tướng hải.

Ba mươi bốn, phẩm Tùy hảo Quang minh

Ba mươi lăm, phẩm Hạnh phổ hiền

Ba mươi sáu, phẩm Như Lai xuất hiện

Hội thứ tám tại Điện Phổ Quang Minh, chỉ nói một phẩm:

Ba mươi bảy, phẩm Lìa thế gian

Hội thứ chín ở tại rừng Thệ Đa. Địa điểm ở trong thành Xá Vệ, vườn ông Cấp Cô Độc, Tịnh Xá Kỳ Hoàn, Trọng Các Giảng đường. Hội này cũng chỉ nói một phẩm:

Phẩm vào Pháp giới.

Bộ kinh Hoa Nghiêm này thuộc Đại thừa kinh, vì pháp thân Bồ tát mà nói, tu Bồ đề Tâm, hành Bồ đề đạo.

Phần 2. Phẩm Thế Chủ diệu nghiêm

“Phẩm”: là phẩm loại, là phần. Phẩm này nói về chủ thể gian và chủ xuất thể gian, đủ loại cảnh giới trang nghiêm vi diệu, trang nghiêm cõi nước, trang nghiêm cõi Phật không thể nghĩ bàn. “Thế”: là thế giới, thế gian. “Chủ”: là chủ nhân. Trong kinh này được nói tới là đức Phật Thích ca, chuyển luân Thánh vương. “Diệu”: là vi diệu, không thể dùng ý thức mà suy nghĩ, không thể dùng lời mà bàn luận. “Nghiêm”: là trang nghiêm.

Khi đức Phật sắp nhập Niết bàn thì ngài A nan chưa chứng quả A la hán, chưa đoạn dục được ái luyến, cho nên đau đớn khóc lóc lệ rơi bi ai đến cực điểm, chẳng còn thiết tới việc gì. Lúc đó, tôn giả A Nậu Đa La đến nói với tôn giả A nan đừng quá bi ai, trách nhiệm của ngài A nan lớn, phải dùng trí nhớ để kết tập lời dạy, giờ thay vì khóc lóc thì nên đến hỏi Phật bốn vấn đề quan trọng:

Một, khi Phật ở đời thì nương theo Phật, Phật nhập Niết bàn rồi thì nương theo ai?

Hai, khi Phật ở đời thì nương Phật làm thầy, Phật nhập Niết bàn rồi thì nương ai làm thầy?

Ba, khi Phật còn ở đời thì những tỳ kheo ác tính, Phật có thể hàng phục được, nay Phật nhập Niết bàn, ai sẽ hàng phục tỳ kheo ác tính?

Bốn, khi kết tập kinh điển thì mở đầu kinh văn nên viết thế nào?

Khi A nan đến hỏi Phật. Phật trả lời rằng khi Phật nhập Niết bàn rồi thì nương theo Bốn Niệm xứ mà trụ, đó là câu trả lời thứ nhất. Lấy giới làm thầy, đó là câu trả lời thứ hai. Với tỳ kheo ác tính không giữ giới luật, thì đừng nói năng gì với họ, đó là câu trả lời thứ ba. Và cuối cùng, khi Ngài nhập Niết bàn rồi, tập kết kinh điển phải mở đầu bằng: Tôi nghe như vậy, một thời.

Bốn Niệm xứ

Bốn Niệm xứ tức là: (1). Thân niệm xứ. (2). Thọ niệm xứ. (3). Tâm niệm xứ. (4). Pháp niệm xứ.

Y chiếu theo Bốn niệm xứ mà tu hành, có thể chứng quả, có thể giải thoát. Lý do chúng sinh không chứng quả vì không quán thân này bất tịnh, không quán thọ này là khổ, không quán tâm vô thường, không biết pháp vô ngã. Chấp trước cái ta, mọi thứ của ta.

Quán thân bất tịnh

Thân thể chúng ta vốn chẳng sạch sẽ, chín cái lỗ thường chảy ra những thứ bất tịnh, bắn thiu, dơ dáy. Hai mắt thì có gỉ mắt, hai lỗ mũi, hai lỗ tai bắn, miệng có đờm rãi, thêm vào 2 lỗ để đi đại, tiểu tiện. Thân như túi da hôi thối, không nên chấp trước, không nên quá đà ái luyến.

Quán thọ là khổ

Tất cả những gì cảm nhận, cảm giác đều vô thường, đều tan hoại. Khổ có ba loại khổ:

Khổ khổ: Như người không có cơm ăn, không có áo mặc, khổ đau thân xác đơn thuần.

Hoại khổ: Vạn vật luôn biến đổi, hư hoại, không gì là bền chắc.

Hành khổ: Là sự khổ vận hành quanh đời sống chúng sinh, tổng quan có 8 thứ hành khổ bao trùm: 1. – Sinh, 2. – Lão, 3. – Bệnh, 4. – Tử, 5. – Ái biệt ly, tức yêu thương mà phải xa lìa, 6. – Oán tăng hội, tức ân oán, ghét bỏ mà phải gặp gỡ, hội tụ, 7. – Cầu bất đắc, tức cầu mà chẳng được, 8. – Ngũ uẩn không hòa hợp, hay đau ốm, bệnh tật.

Quán tâm vô thường

Chúng sinh nay thích cái này, mai thích cái khác, nay bình yên, mai lại sân hận, đó là sự vô thường, cố hằng hữu, không có gì gọi là cố định.

Quán pháp vô ngã

Vạn vật được hình thành bởi nhiều yếu tố nhân duyên, không bản ngã, dễ hư hỏng, nếu bám chấp ái luyến sẽ dẫn tới khổ đau.

Không nên chấp vào ngũ uẩn là ta. Ngũ uẩn gồm có: sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Nếu chấp vào năm uẩn này thì chẳng thể tự tại, chẳng thể giải thoát. Uẩn là sự kết lại, che mờ, che lấp chân tính. Sắc là thứ thấy được hình tướng. Sắc cũng có ngoại sắc và nội sắc, ví như cái thân này là ngoại sắc vì ta thấy được, nội sắc là thứ vật chất nằm bên trong như nội tạng. Thọ pháp là sự cảm nhận của con người. Tất cả sự tiếp xúc của các giác quan với trần cảnh bên ngoài đều tạo ra cảm nhận, hay còn gọi là sự lãnh thọ, ví như vui, buồn, nóng, lạnh, vô cảm, v.v... Hành là sự liên tục, niệm niệm biến đổi không ngừng. Giống như là dòng nước chảy vậy, không đứt quãng, mà nối nhau không dừng. Thức là nhận thức, ý thức, cái biết của ta. Thức gồm có 8 loại, gọi là bát thức. Cái biết của mắt khi thấy cảnh (là nhãn thức), cái biết của mũi khi ngửi hương (là tỷ thức), cái biết của tai khi nghe âm thanh (nhĩ thức), cái biết của lưỡi khi nếm đồ ăn,

thức uống (thiệt thức), cái biết của thân do đụng chạm (thân thức), sau đó có ý thức theo loài, mặt na thức chấp ngã và a lại da thức.

KINH HOA NGHIÊM ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT QUYỂN 1

Tại sao đức Phật dạy đệ tử lấy giới làm thầy?

Vì giới giúp sinh thiện, diệt ác, nương giới làm thầy thì sẽ sinh ra điều lành, nương giới làm thầy thì sẽ diệt trừ các điều ác. Một thời, đức Phật ở tại nước Ma Kiệt Đà, trong A lan nhĩ pháp bồ đề tràng. “Một thời” là trạng từ chỉ thời gian nói về một thời điểm đã diễn ra. Một thời, tôi nghe như vậy, là câu làm mở đề kinh, mục đích thành tựu sáu thứ, gồm có:

- 1, Tin thành tựu: Có niềm tin chính đáng
- 2, Nghe thành tựu: Có sự lắng nghe
- 3, Thời thành tựu: Có thời điểm xác thực
- 4, Chủ thành tựu: Đức Phật là chủ thuyết pháp
- 5, Xứ thành tựu: Có nơi chốn xác thực
- 6, Chúng thành tựu: Có hội chúng nghe pháp

Đức Phật ở tại nước Ma kiệt đà. Phật là nửa chữ Phạn, gọi đầy đủ là Phật Đà Gia, còn gọi là Bồ Đạt Gia. Phật có nghĩa là bậc giác ngộ. Phật giác ngộ có ba nghĩa tức là: Tự giác, giác tha, giác mãn. Tức là người giác ngộ, giúp chúng sinh giác

ngộ và thành tựu viên mãn toàn giác. Đức Phật ở trong ba đại A tăng kỳ kiếp tu phước huệ, trong trăm đại kiếp tu công đức tướng tốt. Cho nên Ngài có ba giác đều viên mãn tròn đầy. A Lan Nhã dịch là nơi vắng lặng, nơi không có ồn ào. Tại Tùng Lâm trong núi là đạo tràng hạnh Đầu đà (khổ hạnh), tuy nhiên cũng chẳng gọi là nơi A Lan nhã nếu còn vọng tưởng điên đảo. Nếu tâm vắng lặng thì ở giữa thành thị vẫn là A Lan Nhã.

“Pháp”: là phương pháp, pháp môn.

“Bồ đề tràng”: Là nơi Phật giác ngộ.

Đức Phật tu khổ hạnh 6 năm tại núi Tuyết, mỗi ngày chỉ ăn một hạt mè. Sau đó, ngài đến dưới cội cây bồ đề, phát nguyện nếu không thành đạo thì ngồi chỗ này không đứng dậy. Ngài tĩnh tọa 49 ngày đêm, cuối cùng thấy sao mai mọc mà ngộ đạo. Khi ngộ đạo rồi thì ngài nhận ra chúng sinh đều có thể chứng ngộ nhưng do vọng tưởng chấp trước mà bị che mờ đi mất. Chỗ đức Phật thành đạo có đất bốn phía đều biến thành rất kiên cố, do đá kim cương làm thành, với 3 thứ dụng là: cứng chắc, sáng, sắc bén.

Cứng chắc: Là biểu thị chí nguyện của con người phải kiên cố, bất cứ vật gì cũng không thể phá hoại được. Sáng: Tức là quang minh, biểu thị trí tuệ con người phải sáng suốt. Sắc bén: Là biểu thị sự tinh tấn của con người, không được thoái lui. Đạo tràng trở nên trang nghiêm, lộng lẫy và tỏa ánh hào quang từ châu báu, vàng bạc, ma ni, các loại ngọc, châu báu, mã não. Do Phật trì giới nghiêm trong nhiều kiếp, không phạm lỗi nhỏ nhặt mà đạo tràng được trang nghiêm

Giới sát sinh: Không giết hại, tâm không sinh tâm niệm giết hại, tâm từ bi thương xót tất cả chúng sinh.

Giới không trộm cắp: Thân không trộm, ý không khởi niệm tham.

Giới dâm: Không khởi ý niệm tà hạnh.

Giới nói dối: Thấy nói thấy, biết nói biết, không biết nói không biết, không lý luận vòng vo.

Giới uống rượu: Không dùng rượu, hay các loại chất kích thích.

Vì đức Phật toàn vẹn về giới, toàn vẹn trí tuệ, thành tựu viên mãn giác ngộ nên được gọi với mười danh hiệu, gồm có: 1, Như Lai. 2, Ứng Cúng. 3, Chính Biến Tri. 4, Minh Hạnh Túc. 5, Thiện Thệ. 6, Thế Gian Giải. 7, Vô Thượng sĩ. 8, Điều ngự Trượng phu. 9, Thiên Nhân sư. 10, Thế Tôn.

Tương truyền rằng khi Ngài thuyết bộ Hoa Nghiêm này thì đức Như Lai hiện thân Lô Xá Na cao ngàn trượng, cảnh giới do Ngài dùng thần lực thị hiện đẹp đẽ lộng lẫy. Pháp thân Phật đầy khắp cả thế giới, âm thanh vang tới từng nơi trong mười phương. Ví như hư không bao trùm hết thủy vạn vật trong các cảnh giới mà không phân biệt. Đức Phật trong nhiều đời nhiều kiếp tích lũy phước báu nhiều như biển cả, hoàn toàn thanh tịnh không ô nhiễm. Phước tuệ song tu, đừng cho rằng việc thiện nhỏ mà không làm, đừng cho rằng việc ác nhỏ làm mà chẳng sao. Việc thiện nhỏ nhưng nhiều thì tích tập từ ít thành phước lớn. Việc ác nhỏ nhưng dần thành quả báo lớn. Khi Phật thuyết pháp có các vị Bồ tát nhiều như số hạt cát sông Hằng, cùng tới nghe, nhiễu quanh và đảnh lễ ngài. Bồ tát nói đầy đủ là Bồ đề Tát đỏa. Bồ đề dịch là giác, Tát đỏa dịch là hữu tình, gọi tắt thì là Bồ tát. Có các Đại Bồ tát lớn như:

Bồ tát Phổ Hiền: Ngài là thượng thủ trong đại chúng. Đức tính của ngài phổ khắp, nguyện lực, trí tuệ vượt hơn các vị khác.

Bồ tát Phổ đức Tối thắng Đăng Quang Phổ chiếu: Ngài có công đức viên mãn cùng khắp, vượt qua đăng quang chiếu khắp mọi nơi.

Bồ tát Phổ Quang Sư tử tràng. Vì âm thanh ngài khi thuyết pháp, uy lực như tiếng hống của con sư tử, quang minh thì chiếu khắp như lưới tràng, cho nên có tên này.

Bồ tát Phổ Bảo Diệm Diệu Quang. Vì hạnh môn Ngài tu, vô cùng thanh tịnh, trí tuệ như bảo diệm diệu quang, cho nên có tên này.

Bồ tát Phổ Âm Công Đức Hải Tràng. Vì âm thanh ngài vi diệu, khắp cùng pháp giới, vạn hạnh công đức như biển cả, như tràng báu, cho nên có tên này.

Bồ tát Phổ Trí Quang Chiếu Như Lai Cảnh. Vì trí tuệ ngài quang minh chiếu khắp cảnh giới Như Lai.

Bồ tát Phổ Bảo Kế Hoa Tràng. Vì kế hoa ngài cao như tràng báu, cho nên có tên này.

Bồ tát Phổ Giác Duyệt Ý Thanh. Âm thanh Ngài vô cùng êm tai, khiến giác ngộ khắp cùng, sinh tâm khoái lạc.

Bồ tát Phổ Thanh Tịnh Vô tận Phước Quang. Phước đức ngài thanh tịnh khắp hết thủy, làm cho pháp giới thanh tịnh, phước đức Ngài vô cùng vô tận, trong phước đức này sinh ra quang minh.

Bồ tát Phổ Quang Minh Tướng. Vì ngài có sự hảo tướng quang minh nên có tên này.

Pháp hội của Phật thuyết pháp, có mười bộ chúng đến nghe pháp, đó là:

1, Chúng ảnh hưởng. 2, Chúng thường theo. 3, Chúng hộ pháp. 4, Chúng nghiêm hộ. 5, Chúng cúng dường. 6, Chúng phát tâm. 7, Chúng đương cơ. 8, Chúng biểu pháp. 9, Chúng chứng pháp. 10, Chúng hiển pháp.

Chúng ảnh hưởng

Là các đại Bồ tát trong mười phương, vốn đã nghe qua pháp của đức Phật nói, không những đã nghe qua một vị Phật nói mà là mười phương chư Phật nói pháp, các ngài đều đã nghe qua, hiểu rõ, nhớ rõ, căn bản không cần đến nghe nữa, nhưng các ngài vẫn xuất hiện. Vì các ngài là chúng ảnh hưởng, có sự tác động tới đại chúng, thúc đẩy sự tinh tấn chúng sinh nghiên cứu diệu pháp.

Chúng thường theo

Tức là một ngàn hai trăm năm mươi vị đệ tử, thường theo đức Phật nghe pháp. Phật đi đến đâu thuyết pháp, thì các vị đó đều theo Phật đến đó.

Chúng hộ pháp

Tức là bảo hộ người thuyết pháp an toàn, hết lòng tận tâm bảo trì chính pháp

Chúng nghiêm hộ

Tức là đại chúng trang nghiêm pháp hội, dùng tràng phan bảo cái đến trang nghiêm đạo tràng, đó là sự trang nghiêm hữu hình. Dùng tín giải hạnh chúng để trang nghiêm pháp hội, đó là trang nghiêm vô hình.

Chúng cúng dường

Trong pháp hội không thể không có người cúng dường, cho nên phải có chúng cúng dường.

Chúng phát tâm

Phải có thiện nam tín nữ phát tâm đến hộ trì pháp hội, cho nên gọi là chúng phát tâm.

Chúng đương cơ

Tức là Phật vì căn cơ chúng sinh này mà thuyết pháp tương ứng, khiến cho họ y pháp phù hợp mà phụng hành

Chúng biểu pháp

Tức là chúng sinh đại biểu cho pháp này

Chúng chứng pháp

Nghe pháp rồi chứng được sơ quả, nhị quả, tam quả, hoặc tứ quả A la hán

Chúng hiển pháp

Tức là chúng sinh làm cho Phật pháp hiển lộ ra.

Lục độ vạn hạnh

Tỳ Lô Giá Na dịch là “Biển nhất thiết xứ”, có nghĩa là khắp tất cả mọi nơi. Là pháp thân của Phật Thích ca Mâu ni. Tướng tâm chân thật sở hiện, chân thường bất biến. Bồ tát số đông như hạt bụi trong mười phương thế giới, bên trên chỉ kể 10 vị ví dụ, ngoài ra còn rất nhiều kể không hết, trong vô lượng kiếp về trước, đều cùng Phật Tỳ Lô Giá Na tu tập căn lành, trong cùng một pháp hội, mỗi người đều tu lục độ vạn hạnh. Siêng tu công đức lành, dứt hẳn mọi điều tội ác, đó gọi là đồng tu căn lành. Hạnh Bồ tát tức là lợi ích chúng sinh, tức cũng là lợi người lợi mình, giác mình giác người, độ mình độ người. Vì căn lành của những bồ tát này giống như sông ngòi, còn căn lành của Phật giống như biển cả. Các vị tự tu tập căn lành, nhưng đều chảy về biển lớn Như Lai. Các vị Bồ tát đều viên mãn 6 hạnh ba la mật.

Những vị bồ tát này đều tu tập đầy đủ các pháp môn Ba la mật, đã hoàn toàn đạt đến cảnh giới viên mãn không thiếu khuyết. Ba la mật dịch là “đến bờ bên kia”. Bờ kia là bờ không sinh, không diệt, cảnh giới Niết bàn. 6 hạnh Ba la mật là Lục độ ba la mật, gồm có

1, Bồ thí Ba la mật.

Tức là thí xả. Món này chia ra thành 3 loại

Bồ thí tài: Cho tài của.

Bồ thí pháp: Đem Phật pháp bồ thí cho tất cả chúng sinh, kết pháp duyên với chúng sinh.

Bồ thí không sợ hãi: Tức là khi chúng sinh gặp tai nạn rủi ro, thì an ủi họ, tìm cách trấn an họ.

2, Trì giới Ba la mật

Giới là luật, cũng là con đường tu hành, cho nên tu hành phải nghiêm trì giới luật. Người trì giới luật thì sẽ có lợi ích, mỗi người giữ 5 giới thì gia đình hạnh phúc, xã hội yên ổn, thế giới hòa bình. Năm giới căn bản là: Không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu. Lại còn có Bát quan trai giới, giới Bồ tát có mười giới trọng, bốn mươi tám giới khinh, Sa di có mười giới, Tỳ kheo có hai trăm năm mươi giới, Tỳ kheo ni có ba trăm bốn mươi tám giới.

3, Nhẫn nhục Ba la mật

Tức là nhẫn nhục chịu đựng, có 3 thứ:

Sinh nhẫn: Nhẫn nhịn với tất cả chúng sinh. Người mắng ta, phỉ báng ta, sân hận ta, ta đều không nóng giận. Nhẫn không phải là sự chịu nhục hèn hạ, mà là tránh tai họa, không để cơn sân nổi lên.

Pháp nhẫn: Nhẫn nhịn với tất cả các pháp, như nóng, lạnh, đói, khát, vân vân.

Vô sinh pháp nhẫn: Sinh nhẫn được thì người không, pháp nhẫn được thì pháp không. Người không, pháp không thì đắc được trung đạo, tức vô sinh pháp nhẫn.

4, Tinh tấn Ba la mật

Tức là không lười biếng, không giải đãi, không phóng dật.

5, Thiền định Ba la mật

6, Bát nhã Ba la mật

Bát nhã dịch là trí tuệ, có 3 thứ:

Văn tự Bát nhã: Tức chữ nghĩa, trí tuệ hiểu được kinh sách.

Quán chiếu Bát nhã: Tức là trí tuệ quán sát, chiếu soi, đoạn trừ kiến hoặc, tư hoặc.

Thật tướng Bát nhã: Thật tướng là tướng chân thật, tức cũng là vô tướng, tướng không hư vọng.

Các pháp của Đại Bồ tát

Vô ngại biện

Là sự biện luận không ngăn ngại, là khéo biện luận. Những vị đại Bồ tát có khả năng biện luận giống như biển cả, rộng lớn, gồm có 4 thứ

- 1, Pháp vô ngại biện: Nói rõ được các pháp, không có pháp nào là không biết.
- 2, Nghĩa vô ngại biện: Biết được nghĩa lý sai biệt của giáo pháp, thông đạt vô ngại.
- 3, Từ vô ngại biện: Mọi từ ngữ đều thông tuệ.
- 4, Lạc thuyết vô ngại biện: Khéo léo thuyết pháp theo mọi loại căn cơ mà không vướng mắc gì.

Những vị Bồ tát này tùy thuận pháp phương tiện, đầy đủ công đức, được chúng sinh cung kính, trí tuệ thâm sâu nên hiểu được rõ căn tính chúng sinh mà nói pháp, chúng được giải thoát, các ngài phát đại hạnh nguyện lớn, nên tâm không thoái chuyển. Tín, nguyện, hạnh phải cứng cáp như đỉnh ba chân, thiếu một thì không được.

Tín tâm: Trước hết phải sinh tâm tín, tin Phật pháp, tin Tam bảo. Nguyện lực: Sinh tâm tín rồi, thì phải phát nguyện rộng lớn như biển cả, có như vậy mới sinh ra được sức lực để giáo hóa chúng sinh. Hành: Phát nguyện mà không thực hành, thì không có ích lợi gì.

Những vị đại Bồ tát trong tất cả các thời, tất cả các chỗ đều tùy thuận chúng sinh mà hóa hiện thân tướng của họ. Các ngài ***nhiep phục chúng sinh*** bằng bốn thứ:

- 1, Bố thí: Ban cho chúng sinh những gì thiết yếu, cứu độ họ và sau đó giáo hóa họ.
- 2, Ái ngữ: Giáo hóa chúng sinh bằng lời hay, nhẹ nhàng, yêu thương.
- 3, Lợi hành: Thân miệng ý khéo làm lợi ích cho chúng sinh.
- 4, Đồng sự: Tức là cùng đồng hành với chúng sinh.

Các vị đại Bồ tát đều tổng tất cả các pháp, trì vô lượng nghĩa, gọi là tổng trì.

Giảng về Dị sinh chúng

Dị sinh chúng là chúng sinh khác nhau, dị là dị biệt, được chia làm ba bộ phận lớn:

- 1, Tập loại chư Thần chúng

2, Bát bộ Tứ Vương chúng

3, Dục giới, sắc giới chư thiên chúng

Ở trong các Thần chúng tạp loại, có mười chín chúng, trong bát bộ Tứ vương chúng có tám chúng, trong dục giới, sắc giới chư Thiên chúng có mười hai chúng. Tổng cộng có ba mươi sáu chúng. Ở trong mỗi chúng lại có mười vị làm thượng thủ, tổng cộng có ba trăm chín mươi vị sinh chúng. Lại có thần chấp Kim Cang, tức là hộ pháp thiện thần, tay cầm chày kim cang. Các ngài chuyên hàng phục thiên ma ngoại đạo, làm cho chúng không nhiễu loạn thân tâm người tu hành. Khiến cho người tu hành, thân tâm thanh tịnh, một lòng một dạ tham thiền đả tọa. Người tại gia cư sĩ đều là người hộ pháp, hộ trì Tam bảo, cúng dường Tam bảo, thân cận thừa sự Tam bảo, cư sĩ đều có trách nhiệm bảo vệ chính pháp, ủng hộ duy trì Tam bảo, trang nghiêm Tam bảo, không được phá hoại Tam bảo, không phỉ báng hay khuyến khích phỉ báng Tam bảo. Tam bảo là Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo. Phải cung kính, lễ bái, kiền thành cảm ứng đạo giao, mới đắc được lợi ích của Tam bảo.

Các vị thần chấp Kim cang có các vị với tướng tốt trang nghiêm, tuệ nhãn thấy được hào quang quang minh Phật pháp, thấy Pháp thân Phật rộng lớn như biển cả, âm thanh vang dội, sự thanh tịnh phi thường, nói pháp khéo léo, v.v... Những vị thần Chấp Kim cang này, rất lâu xa trong quá khứ, vô lượng kiếp về trước, thường phát nguyện lực rất lớn, luôn luôn cùng chư Phật, gần gũi chư Phật, cúng dường chư Phật. Chư Phật đi đến đâu, các ngài đều theo đến đó.

Lại có các Thần Thân Chúng, Thần Túc Hành, Thần Đạo Tràn, Thần Chủ Thành, Thần Chủ Đất, Chủ Thần Núi, Chủ Thần Rừng, Chủ Thần Dục, Chủ Thần Lương Thực, Chủ Thần Sông, Chủ Thần Biển, Chủ Thần Nước, Chủ Thần Lửa, Chủ Thần Gió, Chủ Thần Không, Chủ Thần Phương Hướng, Chủ Thần Ban Đêm, Chủ Thần Ban Ngày, v.v...

Tất cả các chủ thần đều có thân hình trang nghiêm, ánh sáng hào quang rực rỡ, thanh tịnh, dùng phước đức trang nghiêm cõi Phật, trí tuệ thâm sâu để giáo hóa và bảo vệ Chính pháp.

Giải thích chúng Bát bộ Tứ vương

Tám bộ, gồm có: 1, A Tu La vương. 2, Ca Lô La vương. 3, Khẩn Na La vương. 4, Ma Hầu La già vương. 5, Dạ Xoa vương. 6, Long vương. 7, Cưu Bàn Trà vương. 8, Càn Thát Bà vương

Bốn vua, gồm có: 1, Phương bắc Đa Văn Thiên vương. 2, Phương tây Quảng Mục Thiên vương. 3, Phương nam Tăng Trưởng Thiên vương. 4, Phương đông Trì

Quốc Thiên vương

Lại có vô lượng A Tu La vương. A Tu La dịch là Phi thiên. Vì chúng có phước trời, mà chẳng có đức trời. Tại sao chẳng có đức trời? Vì trong quá khứ chúng chuyên môn hiểm kỵ người khác, tức tâm không ngay thẳng, dùng tâm giả dối đi ca ngợi người khác.

A Tu La còn dịch là không đoan chính, vì tướng mạo chúng không đoan chính. Người nam thì tướng mạo xấu xí, người nữ thì tướng mạo xinh đẹp. A Tu La còn dịch là vô tửu (không có rượu), người nam rất thích say xưa, thích đấu tranh, nếu có rượu thì chắc chắn gây sự, làm loạn, nên không được có rượu. A Tu La có bốn thứ, đó là: 1, A Tu La ở trên trời. Thường tác chiến với chư thiên. Vì A Tu La muốn làm chủ cõi trời Đao Lợi. 2, A Tu La ở trong loài người. Chúng chuyên đồ kỵ, rất cao hứng đối với bất cứ việc gì, đều có tâm tranh cường háo thắng, thắng thì vui, thua thì sân hận, nổi giận làm sóng, thường xảy ra chiến tranh. 3, A Tu La ở trong loài súc sinh. Thích đấu tranh ý mạnh hiếp yếu, lấy lớn khinh nhỏ. 4, A Tu La ở trong loài ngạ quỷ. Cũng lại như thế, bất cứ trong loài nào, cũng đều có tâm đấu tranh. Có vô lượng các A Tu La, tất cả A Tu La đều có tâm ngã mạn. Nhưng các vị A Tu La đều có lòng hướng Phật, nếu chăm chỉ tinh tấn phụng hành Phật pháp thì sẽ dẹp phá được tập khí ngã mạn, dập tắt được vô minh. Khi không còn vô minh thì tất cả phiền não cũng theo đó mà dứt trừ.

Lại có vô số Ca Lô La vương không thể nghĩ bàn. Ca Lô La dịch là kim sí (chim cánh vàng). Vì cánh của loài chim này, sáng chói giống như vàng thật. Lại dịch là “diệu sí”, cánh của nó dùng đủ loại sắc đẹp để trang nghiêm, ở trong ánh sáng mặt trời phản xạ xuống, phóng ra vạn luồng ánh sáng vàng. Các vị đại vương Ca Lô La này do y theo lời Phật dạy, nghiêm chỉnh tu hành, nhiều vị đắc được Tâm bất thoái chuyển, tương lai sẽ đắc A Nậu Đa La, Tam miệu, Tam Bồ đề.

Tâm Bất thoái chuyển gồm có: 1, Vị bất thối. Đã chứng đại Bồ tát, thì không thể mất. 2, Niệm bất thối. Niệm niệm đều không bị loạn lạc. 3, Hành bất thối. Dừng mãi tinh tấn tu hành, càng ngày càng tiến bộ.

Lại có vô lượng Khẩn Na La vương. Khẩn Na La vương dịch là “phi nhân”. Vì tướng mạo của chúng giống như người, ngũ quan đoan chính, nhưng trên đầu sinh ra một cái sừng, cho nên chẳng phải người. Lại dịch là “nghi thần”. Vì trên đầu có sừng, làm cho người thấy sinh nghi, cho rằng là thần. Những vị Khẩn Na La vương này, cũng là Bồ tát thị hiện, đến tất cả các pháp hội ca xướng tấu nhạc, khiến cho người nghe sinh tâm niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng mà ngộ đạo.

Lại có vô lượng Ma Hầu La Già vương. Ma Hầu La Già vương dịch là “đại phục hành”. Vì chúng chẳng có chân, chỉ dùng bụng để đi, tức cũng là mãng xà.

Cũng lại có vô lượng Dạ Xoa vương, loài này bay trên hư không, hay tấn công người.

Lại có vô lượng Đại Long vương. Long (hay là rồng), thuộc về đường súc sinh, nhưng có thần thông, lúc ẩn, lúc hiện, oai lực mạnh mẽ.

Lại có vô biên Càn Thát Bà. Càn Thát Bà dịch là “tâm hương”, một loại thần. Chúng dùng hương làm thức ăn, thân của chúng cũng tỏa hương thơm.

Ngoài ra còn có vô lượng Đao Lợi Thiên vương, Đâu Suất Đà Thiên vương, Dạ Ma Thiên vương, Hóa Lạc Thiên vương, Đại Phạm Thiên vương, Quang Âm Thiên vương, v.v.... các vua của các tầng trời nhiều vô kể.

Pháp bình đẳng

Tức là chẳng còn có tâm tham, chẳng còn tâm sân, chẳng còn tâm si. Biến tham sân si ba độc, thành giới định tuệ ba học. Do đó có câu: “Siêng tu giới định tuệ. Diệt trừ tham sân si.” Chúng sinh cần tự hỏi mình, rằng ta còn tâm tham chẳng? Còn tâm sân chẳng? Còn tâm si chẳng? Nếu còn thì dùng pháp bố thí để trị tâm tham, dùng pháp môn từ bi để trị tâm sân, dùng pháp môn Bát nhã để trị tâm si, đó là pháp bình đẳng.

Phiền não

Phiền não là gì? Tức là chấp cái ta, tức là còn có cái tham, cái sân, cái si ba độc phiền não, vô minh phiền não. Lại có phiền não thô, phiền não tế, phiền não lớn, phiền não nhỏ. Nếu còn chấp pháp thì còn phiền não sở tri chướng.

Tâm cấu

Tâm cấu là trong tâm đều nghĩ pháp ô nhiễm chẳng trong sạch, cho nên trong tâm có bụi trần dơ bẩn. Nếu đoạn dục khử ái được, không nghĩ việc tình ái, thì tâm tự nhiên được thanh tịnh.

Tập khí

Tập khí là do thói quen, suy nghĩ, hành động hàng ngày huân lại. Nếu chúng sinh còn ô nhiễm, tập khí đa phần bị sen lẫn bởi tham sân si, giống như bụi mỗi ngày tích tụ trên mặt gương, phủ kín cả mặt gương. Vô minh chướng nặng của

chúng sinh kiên cố như núi, muốn phá tan chướng nặng thì phải học cách rời xa phiền não, xa rời tâm cấu bẩn, xa rời tập khí mao bệnh. Như vậy sẽ thấy được Phật mà chẳng có gì chướng ngại được.

Các chúng đến nghe hội Hoa Nghiêm, đều mong muốn gần gũi bậc Thánh, siêng năng trồng căn lành, an trụ nơi đạo nhất thiết trí, đều đạt được biển nguyện phương tiện. Biển nguyện phương tiện là gì? Tức tu đạo phải phát nguyện, dùng pháp môn quyền xảo phương tiện, để độ tất cả chúng sinh. Thứ nguyện này rộng lớn như biển cả. Tu đạo phải đủ ba điều kiện mới vào được biển nguyện phương tiện.

Thứ nhất: Phải có tâm tin. Tin rằng mình tương lai có thể thành Phật.

Thứ hai: Phải có tâm nguyện. Phải có tâm nguyện, phát nguyện tương lai thành Phật rồi nhất định rộng độ chúng sinh.

Thứ ba: Phải có tâm hành, đã có tin và nguyện mà không cung hành thực tiễn, không tinh tấn tu hành thì chẳng có lợi ích gì.

Lập được biển nguyện rồi, còn phải thành thật tu hành. Tu các hạnh môn phải hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh, đó là con đường thoát khỏi nhà lửa ba cõi. Khi đã nhập được vào biển lớn công đức của Như Lai, thì đắc được chân chính tự tại, chẳng còn phiền não, đắc được thần thông du hí.

Giải thoát là gì?

Là cởi được sự trói buộc của dục ái, thoát được cảnh khổ của sinh già bệnh chết. Chắc còn tham sân si, chẳng còn sinh tử, chẳng còn biến dịch. Du hí là gì? Tức là do chân hiện vọng, do vọng hiện chân, chân vọng không hai, chân vọng vốn không, dùng pháp quyền xảo phương tiện để độ chúng sinh thoát khỏi tam giới. Thần thông là gì? Tức là được tự do đi lại trong định, tự do an trụ các cảnh giới mình mong muốn.

Pháp giới là gì? Pháp giới không ra ngoài một tâm, một tâm bao khắp pháp giới. Tịch tĩnh là gì? Tức là yên lặng, là sự dập tắt hoàn toàn 3 ngọn lửa tham sân si. Môn giải thoát là gì? Môn là cửa vào. Trước hết phải nói rõ, đừng nhận rằng có môn, môn chỉ là ví dụ. Nếu còn có cái cửa thì không thể nào giải thoát được, vì thế đừng chấp trước chữ nghĩa. Nếu ra vào chẳng có chướng ngại thì đó thật là giải thoát. Nếu có môn, thì ở trong môn là giải thoát, ngoài môn chẳng phải giải thoát, như vật thật là chưa hoàn toàn viên mãn. Môn chỉ là tạm gọi ví dụ mà thôi, sự thật giải thoát là không có cửa nào cả. Trong kinh điển thường dùng nhiều kệ tụng vì có tám ý nghĩa:

- 1, Ít chữ mà biểu thị nhiều nghĩa
- 2, Khen người các thánh nhân biểu thị sự tôn kính
- 3, Vì chúng sinh căn cơ còn mỏng mà nói để dễ thấu hiểu
- 4, Vì người sau này nói lại một lần
- 5, Tùy tiện lạc thuyết, tùy ý của mình mà hoan hỷ để nói
- 6, Vì dễ nhớ, dễ thọ trì
- 7, Vì tăng cường sức nhớ, nói lại đại ý trường hàng
- 8, Ở trong trường hàng không nói, dùng kệ tụng để nói

Kệ là bài kệ, tụng là đọc đi đọc lại, lẩm nhẩm đọc theo. Đôi khi được dịch là sự tán dương công đức của người.

Phần 3. Giải nghĩa đoạn tiêu biểu

*"Thân Phật khắp cùng các đại hội
Đầy khắp pháp giới không cùng tận
Tịch tĩnh không tính không thể lấy
Vì cứu thế gian mà xuất hiện"*

Thân Phật được nói tới này là đức Phật Thích ca Mâu ni. Khắp cùng tức là vô tại vô bất tại (chỗ nào cũng có thân Phật). Các đại hội tức là đại pháp hội chư Phật thuyết pháp. Thân Phật đầy khắp cùng tận hư không, tất cả các cõi. Tuy đầy khắp các cõi nhưng pháp thân ngài vắng lặng, vô tướng, lấy mà không thể được. Phật do thấy chúng sinh chịu bi ai, trầm luân trong biển ái, không cách chi ra khỏi được, mới phát tâm thị hiện tại cõi Ta bà, cứu tất cả chúng sinh thế gian, khiến cho lìa khổ được vui.

*"Nhu Lai Pháp vương hiện ra đời
Thập đền diệu pháp chiếu thế gian
Cảnh giới vô biên cũng vô tận
Môn này Tự Tại danh chứng được"*

Nhu Lai là một trong mười danh hiệu của đức Phật. Ý nghĩa Nhu Lai là không từ chỗ nào đến, cũng không đi về đâu; chỗ đến không thể đắc được, chỗ đi không thể đắc được. Nghĩa là tận hư không khắp pháp giới, đều là pháp thân của Nhu Lai. Vì nguyên nhân này mà không đến lại đến, không đi về đâu, không đi mà đi. Pháp vương là tên gọi tổng quát. Pháp tức là Phật pháp, Phật pháp có bao

nhiều? Nếu nói rộng thì có vô lượng vô biên, nhiều như số cát sông Hằng. Nếu nói tổng quát thì có bốn vạn tám ngàn pháp môn. Tám vạn bốn ngàn pháp môn, quy nạp vào thì có năm thứ pháp. Năm thứ pháp là gì? Tức là sắc pháp, tâm pháp, tâm sở pháp, bất tương ưng pháp, vô vi pháp. Vạn pháp không ra ngoài phạm vi năm pháp này. Như Lai dùng đèn diệu pháp để chiếu soi khắp thế gian, chiếu tới từng ngõ ngách, mọi chỗ đen tối. Ánh sáng đèn diệu pháp này có công năng diệu dụng không thể tả được, khiến cho chúng sinh bỏ mê về với giác, cải tà quy chính, trở về nguồn cội, đắc được chân chính tự tại. Thật là không thể nghĩ bàn.

Muốn trở về nguồn cội, thì trước hết phải dứt sinh tử, sinh tử không dứt, thì không thể trở về nguồn cội. Muốn dứt sinh tử, trước hết phải dứt hẳn tâm dâm dục. Nếu không dứt hẳn tâm dâm dục thì không dứt được sinh tử. Không trừ tâm dâm, mà muốn thành tựu đạo nghiệp, thì giống như nấu cát làm cơm, người ngu nói mộng, đó là việc tuyệt đối không thể được. Cảnh giới của Như Lai chẳng có bờ bến, chẳng có cùng tận, trùng trùng vô tận, vô tận trùng trùng. Viên dung vô ngại, vô ngại viên dung, cảnh giới này không thể dùng lời ví dụ được.

*"Phật không nghĩ bàn là phân biệt
Thấy rõ mười phương chẳng có tướng
Vị đời rộng mở đạo thanh tịnh
Như thế Tịnh Nhãn quán thấy được"*

Phật là nửa chữ Phạn, đầy đủ là Phật Đà Gia. Phật Đà Gia dịch là “giác giả”, tức là bậc giác ngộ. Giác ngộ pháp thế gian là vô thường, là khổ, là không, là vô ngã. Pháp xuất thế gian là thường, là lạc, là ngã, là tịnh. Nói đơn giản, giác ngộ những gì mê hoặc chúng sinh, biết rõ những gì chúng sinh chấp trước, buông bỏ những gì chúng sinh bỏ chẳngặng. Giác ngộ tất cả các pháp đều từ duyên sinh, do duyên mà diệt, do đó Phật có ba giác tròn, đó là tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn. Phật là bậc giác ngộ, lại chỉ bày, độ cho chúng sinh cùng giác, gọi là giác tha. Mọi công hạnh của ngài đều đã viên mãn. Nếu có người muốn biết cảnh giới của Phật, nên thanh tịnh ý niệm của mình, khiến cho giống như hư không, không có phân biệt, không có chấp trước, mới có thể minh bạch được một chút cảnh giới của Phật. Tướng của Phật là vô tướng, chẳng phải không có tướng. Đạo thanh tịnh là con đường chẳng còn bất kỳ nhiễm ô nào, đức Phật giáo hóa chúng sinh tu pháp chẳng có nhiễm ô, đi trên con đường tuyệt đối thanh tịnh, như thế mới có thể rời khỏi trần lao.

Trí tuệ Như Lai không bờ mé.

*"Tất cả thế gian không lường được
Dứt trừ si tối của chúng sinh"*

Đại Tuệ thâm nhập pháp môn này"

Trí tuệ Phật chẳng có bờ mé, không đo được hạn lượng, giáo pháp cũng vậy. Trí tuệ Phật có khả năng diệt mọi u minh, giáo hóa mọi căn cơ chúng sinh, khiến chúng sinh bỏ mê về với giác, phá trừ ngu si đắc được trí tuệ. Phật vĩnh viễn diệt trừ ngu si đen tối của tất cả chúng sinh, tức cũng là phá vô minh của chúng sinh.

*"Công đức Như Lai không nghĩ bàn
Chúng sinh thấy được diệt phiền não
Khiến khắp thế gian được an lạc
Bất Động Tự Tại Thiên thấy được
Chúng sinh si tối thường mê muội
Như Lai mở bày pháp tịch tĩnh
Là đèn trí tuệ chiếu thế gian
Diệu Nhãn biết được phương tiện này"*

Chúng sinh là gì? Chúng sinh là chúng duyên hợp mà sinh. Ví như thực vật thì trước hết phải có hạt giống, sau đó cần thiên thời, địa lợi, nhân hòa, ba điều kiện chi phối mà thành. Nếu chỉ có duyên đất, mà thiếu duyên nước, thì hạt giống chẳng thể nảy mầm. Có đất, có nước mà lại bị nghịch duyên đất sạt lở hoặc thú tới phá thì cũng chẳng được. Cho nên vậy mới nói phải hòa hợp đủ nhân duyên. Chúng sinh nói ở đây, chẳng riêng gì chỉ con người hay thực vật, mà bao quát toàn bộ thai, noãn, thấp sinh, hóa sinh. Nhưng do chúng sinh u mê nên gọi là si ám. Si ám này, nói về phương diện tế là vô minh. Chúng sinh thường bị vô minh phiền não mê hoặc, che lấp chân tâm thanh tịnh quang minh. Do đó, Phật vì lòng từ bi mà dùng tứ vô lượng tâm để thuyết pháp là: Tâm từ vô lượng - Tâm bi vô lượng - Tâm hỷ vô lượng - Tâm xả vô lượng

Phật nói pháp gì? Đó là nói pháp tịch tĩnh, tức là chỉ cho con đường đại trí tuệ, ánh sáng Niết bàn chiếu rọi khắp thế gian.

*"Sắc thân Như Lai đẹp thanh tịnh
Hiện khắp mười phương không gì sánh
Thân này không tính không chỗ nương
Thiện Tư Duy Thiên quán sát được"*

Pháp thân của Như Lai là thanh tịnh, báo thân của Như Lai cũng là thanh tịnh, ứng thân Như Lai cũng thanh tịnh, cho nên mới nói sắc thân Ngài là vàng tốt đẹp trang nghiêm. Sắc thân thanh tịnh quang minh này không thể nghĩ bàn, thị hiện khắp mười phương thế giới của chư Phật. Phật rất tự tại, vô tại, vô bất tại, vô sở bất tại, chẳng có chỗ nào mà không có thân Phật, cho nên nói thân này

không tính không chỗ nương.

*"Âm thanh Như Lai không hạn lượng
Người được giáo hóa thấy đều nghe
Mà Phật tịch nhiên luôn bất động
Giải thoát này Lạc Trí Thiên chúng"*

Căn tính con người có hai thứ. Một là lợi căn, hai là độn căn. Nói đơn giản thì lợi căn là có trí tuệ thông hiểu, độn căn là người u mê. Mục đích chúng ta học Phật pháp là tìm đến trí tuệ, tức Bát nhã. Từ hai phương diện mà có được trí tuệ này. Một là vào sâu tạng kinh trí tuệ như biển. Hai là tham thiền đã tọa trí tuệ giải thoát. Gặp chúng sinh tham lam thì nói pháp bố thí cho họ nghe, bố thí thì có lợi ích gì. Gặp chúng sinh phạm giới thì nói pháp trì giới cho họ nghe. Gặp người nhiều sân hận, thì nói pháp nhẫn nhục, mở miệng thường cười, nhẫn việc thiên hạ không thể nhẫn. Gặp chúng sinh lười biếng giải đãi thì nói cho họ nghe về sự tinh tấn, dặn họ phải siêng mới mong thành tựu. Tu hành là không được để lãng phí thời gian. Khuyến răn chúng sinh, dạy mọi căn cơ tin vào nhân quả, hiểu pháp nhân duyên, hiểu sự báo ứng. Đây gọi là theo bệnh mà cho thuốc. Chúng sinh căn bản đều có bệnh tham lam, phiền não, sân hận, u mê.

*"Cảnh giới chư Phật không nghĩ bàn
Tất cả chúng sinh không lường được
Khiến cho tâm họ sinh tin hiểu
Ý vui rộng lớn không cùng tận"*

Các pháp không tương tức là cảnh giới của Phật. Các pháp không tương là gì? Cảnh giới này kể cả hàng Bồ tát cũng không biết được, chỉ có Phật mới biết được. Muốn biết cảnh giới Phật trước hết phải quét sạch rác trong tâm của mình cho thanh tịnh, không còn sự phân biệt giống như hư không, thì mới biết được cảnh giới của Phật. Cảnh giới Phật là không vô sở không, sở không cũng không. Đức Phật giảng pháp khiến cho tất cả chúng sinh sinh tâm tin hiểu. Học Phật pháp có bốn giai đoạn. Tức là: tín, giải, hạnh, chứng, có nghĩa là, tin, hiểu, thực hành và chứng ngộ. Trước hết phải tin. Tin các pháp do đức Phật nói ra, tin Tam Tạng mười hai bộ là chân thật nghĩa. Có tâm tin rồi mới nghiên cứu Phật lý, thấu hiểu rồi, mới y theo những gì Phật nói mà tu hành, từ từ sẽ chứng được quả vị. Phật lấy sự lợi ích của chúng sinh làm ý vui, bao quát hết thảy cho nên rộng lớn không cùng tận. Oai thần lực của Phật là không thể nghĩ bàn. Tất cả pháp tánh vốn là không, vì là không cho nên không cần nương tựa, chẳng có nương tựa chỗ nào hết. Phật hiện ra trong thế gian cũng giống như là pháp tính, là không.

Mười hạnh nguyện lớn của Bồ tát Phổ Hiền phát ra:

- 1, Kính lễ các đức Phật
- 2, Khen ngợi Như Lai
- 3, Rộng tu cúng dường
- 4, Sám hối nghiệp chướng
- 5, Tùy hỷ công đức
- 6, Thỉnh chuyển bánh xe pháp
- 7, Thỉnh Phật ở lại đời
- 8, Thường học theo Phật
- 9, Luôn thuận chúng sinh
- 10, Hồi hướng khắp hết

Lễ kính chư Phật có bảy thứ

- 1, Ngã mạn lễ
- 2, Cầu danh lễ
- 3, Cung kính lễ
- 4, Vô tướng lễ
- 5, Khởi dụng lễ
- 6, Nội quán lễ
- 7, Thật tướng lễ

Trong sự lễ có một thứ lễ là ngã mạn lễ. Tức là khi lạy xuống thì tâm không quán tưởng, không nghĩ ta đang lễ mười phương Phật, lễ mười phương Pháp, lễ mười phương Tăng, thân cũng chẳng cung kính, chỉ là hình thức mà thôi, là việc phô diễn, cầu thả, không thành tâm, không trang nghiêm.

Phải lễ như thế nào? Phải nên thân tâm cung kính lễ. Trong tâm quán tưởng ta đang lạy Phật, lạy Pháp, lạy Tăng. Tư thế thân lạy phải tự nhiên, năm thể gồm có đầu, hai tay, hai chân, phải đụng đất, như thế mới có công đức. Khen ngợi Như Lai là khen ngợi công đức mười phương Chư Phật, đem công đức Phật để giảng nói cho chúng sinh nghe. Rộng tu cúng dường tức là phải luôn luôn cúng dường Tam Bảo, cúng dường tài vật là tu phước, cúng dường pháp là tu huệ.

Phước huệ đều đủ mới có công đức.

Sám hối nghiệp chướng tức là đem tội lỗi của mình nói ra hết, thật tâm hối cải, sửa chữa lỗi lầm và không tái phạm.

Tùy hỷ công đức tức là tùy thuận vui vẻ tất cả công đức pháp lành. Phật thuyết pháp độ chúng sinh, công đức dạy người không mỏi mệt, chúng ta phải tùy hỷ. Công đức của Phật vì pháp mà xả thân cũng phải tùy hỷ. Thậm chí công đức của Bồ tát, Duyên giác, Thanh văn, v.v... cũng phải tùy hỷ.

Thỉnh chuyển bánh xe pháp tức là chúng sinh thỉnh Phật nói diệu pháp. Phật nay đã vào Niết bàn rồi thì chúng sinh thỉnh đại thiện tri thức, đại pháp sư để chuyển bánh xe pháp, tiếp nối huệ mạng của Phật.

Thỉnh Phật ở lại đời tức là thỉnh mười phương chư Phật và các đại Bồ tát các đại A La Hán, các đại thiện tri thức đừng vào Niết bàn, vì lợi lạc chúng sinh mà ở lại đời.

Thường học theo Phật, tức là thường học theo hạnh của Phật. Mỗi cử chỉ hành động của đức Phật đều là quy cụ, không những phải học theo lời dạy của Phật (ngôn giáo) mà còn phải học theo oai nghi cử chỉ của Phật (thân giáo). Ngôn giáo là kinh điển, thân giáo là giới luật.

Luôn thuận chúng sinh là thường tùy thuận căn tính của chúng sinh, khiến cho học đắc được lợi ích, khiến cho họ đắc được thành tựu. Cúng dường chúng sinh khiến cho họ hoan hỷ, cung kính chúng sinh.

Hồi hướng khắp hết tức là đem tất cả căn lành công đức của mình tu được, hồi hướng cho tất cả chúng sinh, chính mình không cần.

Năm quán trước khi ăn của người xuất gia

Người xuất gia khi nhận cúng dường, trước khi thọ thực, phải quán rõ 5 điều này:

Điều 1, Tính xem công sức bao nhiêu, thức ăn từ đâu mà có, từ đâu mà đến?

Điều 2, Xem xét đức hạnh của mình thiếu hay đủ, để nhận đồ cúng dường

Điều 3, Phòng ngừa tâm tạo tội, tham là gốc

Điều 4, Thức ăn là thuốc hay, chữa được bệnh đói của thân

Điều 5, Vì thành đạo nghiệp mới dùng cơm này

Phật là đấng chí tôn, Ngài thường dùng tâm đại bi để giáo hóa chúng sinh, bất cứ chúng sinh có sai lầm gì, Phật cũng đều xả bỏ mà giảng dạy. Phật là hiện thân của sự bình đẳng, chẳng có quan niệm phân biệt, dù là giai cấp nào. Tâm của chúng sinh như con ngựa, biết cách thuần phục theo lời Phật dạy thì nó không chạy loạn, không biết thuần phục thì nó như con ngựa hoang chạy tán loạn. Cho nên người tu hành tức là tu tâm, luôn luôn niệm Phật, luôn luôn tham thiền. Tu tập như vậy thì tâm không chạy đi.

Pháp Tam muội Phổ môn biến Đà la ni

Phổ môn là gì? Tức là cánh cửa viên dung vô ngại, rộng khắp pháp giới.

Đà la ni là gì? Dịch là “tổng trì”. Tổng là tổng tất cả các pháp, trì là trì vô lượng nghĩa. Tóm lại, tổng thân, khẩu, ý, ba nghiệp thanh tịnh. Trì giới, định, tuệ, ba học viên minh.

Biến tổng trì là gì? Tức là từ trong một tổng trì sinh ra vô lượng vô biên tổng trì. Trong mỗi tổng trì lại sinh ra vô lượng bất khả thuyết, bất khả thuyết tổng trì. Sự biến hóa nhiều này giống như biển cả, cho nên gọi là biến tổng trì.

Tam giới

Tam giới tức là dục giới, sắc giới, và vô sắc giới. Dục giới thì có dục (tham muốn) nam nữ, tham muốn về vật chất và tư tưởng tham muốn. Cho nên gọi là dục giới. Sắc giới chẳng còn tham muốn nam nữ, nhưng có sự tham muốn vật chất và tư tưởng tham muốn, cho nên gọi là sắc giới. Vô sắc giới chẳng còn tham muốn nam nữ, cũng chẳng còn tham muốn vật chất, chỉ có tư tưởng tham muốn, tức là thức, cho nên gọi là vô sắc giới.

Luân hồi

Tức là bánh xe sinh tử, chạy trong vòng sáu nẻo, bị nghiệp lực sở cảm chi phối. Lúc còn sống, thực hành thượng phẩm mười điều lành, giữ năm giới, thì được sinh về cõi trời. Lúc còn sống, thực hành trung phẩm mười điều lành, giữ năm giới, thì sinh về cõi người. Lúc còn sống, thực hành hạ phẩm mười điều lành, giữ năm giới, thì sinh về cõi A Tu La. Lúc còn sống, thực hành hạ phẩm mười điều ác, không giữ năm giới, thì sinh về đường súc sinh. Lúc còn sống, thực hành trung phẩm mười điều ác, không giữ năm giới, thì sinh về ngạ quỷ. Lúc còn sống, thực hành thượng phẩm mười điều ác, không giữ năm giới, thì đọa vào địa ngục.

Đời ác năm trước

Thế giới chúng ta đang ở có 5 thứ cấu nhiễm

- 1, Kiếp trước. Đời sống ô uế
- 2, Kiến trước. Cái thấy đây ô uế, gán ghép định kiến
- 3, Phiền não trước. Trong tâm đầy rẫy tham sân si, ngã mạn và nghi hoặc
- 4, Chúng sinh trước. Chúng sinh cùng cộng nghiệp, cùng giống loài như mình
- 5, Mạng trước. Sinh mạng do ngũ uẩn giả hợp hình thành, chịu sự đau ốm, lão hóa.

Năm thứ kiến không chính đáng

- 1, Thân kiến. Chấp trước thân thể, chẳng biết cái thân là do duyên giả hợp mà có
- 2, Biên kiến. Chấp trước vĩnh hằng, đó là thường kiến. Hoặc chấp trước sinh mạng này chết là hết, đó là đoạn kiến.
- 3, Tà kiến. Tức là nhận thức chẳng sáng suốt, thiện ác chẳng rõ, điên đảo thị phi, phán đoán sai lầm.
- 4, Kiến thủ kiến. Chấp kiến giải sai lầm của mình, cho rằng là chân lý, cuối cùng chấp mê chẳng thể ngộ.
- 5, Giới thủ kiến. Chấp trước giới điều không hợp lý của mình, hoặc hành vi sai lầm cho rằng đúng, không chịu sửa đổi.

Hồi hướng công đức: Trong sự bố thí, đạt tới cảnh giới Tam luân thể không. Không thấy người bố thí, không thấy kẻ nhận, và không thấy vật thí, thì công đức không thể nghĩ bàn được.

Lời kết: Bộ Luận Kinh Hoa Nghiêm Đại Phương Quảng Phật được giảng giải bởi Hòa thượng Tuyên Hóa, Việt dịch Tỳ Kheo Thích Minh Định, gồm có 25 quyển. Bài viết này là những ý chính, cô đọng nhất của quyển 01.

Phạm Tuấn Minh

Tài liệu: Kinh Hoa Nghiêm Đại Phương Quảng Phật, Hòa thượng Tuyên Hóa, Hán dịch: Sa môn Thật Xoa Nan Đà, Việt dịch Tỳ Kheo Thích Minh Định, Chùa Kim Quang.